

NHỮNG NÉT CƠ BẢN VỀ HỌC CHẾ TÍN CHỈ VÀ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Đặng Thị Thanh Thủy
Phòng Đào tạo Sau đại học*

Triết lý cơ bản của đào tạo học theo học chế tín chỉ

- Xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo;
- Có chương trình đào tạo mềm dẻo, dễ dàng đáp ứng nhu cầu tiếp nhận kiến thức của người học;
- Khi đã có nhiều trường đại học trong một quốc gia, một khu vực và trên thế giới áp dụng học chế tín chỉ thì có thể thực hiện được việc chuyển đổi tín chỉ (credit transfer system) giữa các trường đại học.

Ưu điểm nổi bật: Hệ thống đào tạo này không bắt buộc người học phải học những gì mà người thầy đang có, mà người học được quyền lựa chọn (chọn thầy, chọn môn học, chọn tiến trình học...) học những gì người học cần.

Khái niệm “tín chỉ”

Theo tác giả James Quann (Đại học Quốc gia Washington)

..Tín chỉ học tập là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm: 1) thời gian lên lớp (contact hour); 2) thời gian ở trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định ở thời khoá biểu (tutor hour); và 3) thời gian dành cho đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài. (self-study hour)..; đối với các môn học lý thuyết 1 tín chỉ là một giờ học trên lớp (với 2 giờ chuẩn bị ở nhà) trong 1 tuần và kéo dài trong 1 học kỳ 15 tuần; đối với các môn học ở studio hay phòng thí nghiệm - ít nhất là 2 giờ trong 1 tuần (với 1 giờ chuẩn bị ở nhà); đối với việc tự nghiên cứu - ít nhất là 3 giờ làm việc trong 1 tuần.

Những đặc tính của hệ thống tín chỉ (HTTC)

Tính liên thông: đảm bảo kết nối các môn học theo các phương pháp được thừa nhận trong phạm vi một hệ thống giáo dục. Dù sử dụng hình thức nào, chương trình nào, nhìn vào HTTC sẽ biết kết cấu môn học ra sao và mặt mạnh, mặt yếu của chương trình học.

Tính chủ động: Qua việc chọn lựa từng loại môn và bố trí môn, sinh viên chủ động xây dựng chương trình học (study program): học môn gì, lúc nào, với ai-giúp sinh viên tự điều chỉnh chương trình học phù hợp với những điều kiện của mình và sinh viên có thể

học nhanh hay muộn so với dự kiến mà không ảnh hưởng đến chất lượng học tập hay kết quả thi tốt nghiệp.

Tính khoa học: HTTC gắn liền việc phân chia các loại môn theo logic khoa học: sự liên thông giữa các loại môn kết hợp với thời lượng cần thiết phân bổ cho từng loại môn.

Thường một chương trình cử nhân gồm 120-130 tín chỉ, trong đó:

- 50-70 tín chỉ dành cho loại môn đại cương (nhằm đào tạo theo diện rộng, cung cấp những kiến thức và kỹ năng chung cần thiết đáp ứng tính linh hoạt của học đại học. Sinh viên có khả năng học 2 bằng cử nhân cùng lúc, có thể chuyển đổi hoặc học thêm ngành mới sau này mà không phải đào tạo lại).
- 30-40 tín chỉ dành cho loại môn chính
- Phần còn lại dành cho loại môn phụ.

Tính thực tiễn, linh hoạt: Định kỳ trường có kế hoạch xem xét lại chương trình học theo hoàn cảnh thực tế: môn học nào cần thì giữ, môn nào không cần thì sửa đổi hoặc bỏ.

Dựa vào HTTC nhà trường có thể phân chia thời gian học dài hay ngắn do các yếu tố khí hậu hay đặc thù cụ thể của người học mà không ảnh hưởng đến cấu trúc và chất lượng đào tạo.

Đặc điểm chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

1. Khối lượng đào tạo: Khoảng 120 - 140 tín chỉ (chương trình cử nhân đào tạo 4 năm, mỗi năm 2 học kỳ theo kiểu Mỹ).

Mô hình châu Âu: European Credit Transfer and Accumulation System (Hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ của Châu Âu- ECTS quy định 1 học kỳ có 30 tín chỉ. Một khóa học 4 năm có 240 tín chỉ (1 tín chỉ = 30 giờ học trên lớp và thời gian tự học).

Ví dụ chương trình đào tạo đại học của Đại học Tokyo (Nhật Bản) có ít nhất *136 tín chỉ* đối với các ngành khoa học nhân văn, hoặc *144 tín chỉ* đối với các ngành khoa học tự nhiên (*The University of Tokyo, Catalogue for 2000 – 2001* hay chương trình đào tạo đại học đối với đa số ngành của Đại học Quốc gia Đài Loan là 128 tín chỉ (trừ ngành y - 290 tín chỉ, nha khoa - 255 tín chỉ, thú y - 170 tín chỉ với tổng số thời gian học dài hơn) [*National Taiwan University, Bulletin 2004*].

2. Khung chương trình: Khung chương trình thể hiện bản chất của học chế tín chỉ, xác định rõ:

a) thời gian học trên lớp,

b) thời gian học trong phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành ở hiện trường,

c) thời gian tự đọc sách, nghiên cứu, làm bài tập, chuẩn bị xê-mi-na ở nhà.

3. *Lựa chọn môn học*: Ngoài các môn bắt buộc, trong chương trình đào tạo có nhiều môn học cho sinh viên lựa chọn và đảm bảo có người dạy khi đã đưa các môn học này vào chương trình.

Như vậy, số môn học mà nhà trường tổ chức giảng dạy cho một chương trình sẽ có tổng số tín chỉ lớn hơn số tín chỉ quy định mà một sinh viên phải tích lũy để hoàn thành chương trình đó. Như thế, với sự hướng dẫn của giảng viên cố vấn học tập, sinh viên có thể xây dựng được kế hoạch học tập phù hợp với riêng mình

4. *Linh hoạt*: Tạo điều kiện thuận lợi cho người học lựa chọn, bố trí kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện và khả năng của mình.

Phương pháp dạy và học trong học chế tín chỉ

1. *Giảng viên và đề cương môn học*: Giảng viên có nhiệm vụ truyền đạt kiến thức và hướng dẫn sinh viên tự tìm kiếm kiến thức ở ngoài lớp học. Việc giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho sinh viên và đánh giá kết quả thực hiện được thể hiện trong *đề cương môn học (syllabus)* được phát cho sinh viên trước hoặc ngay trong buổi lên lớp đầu tiên.

Các nội dung chủ yếu được đưa vào đề cương môn học gồm:

a) *thông tin về môn học*: tên môn học, mã môn học, số tín chỉ, địa điểm phòng học, các ngày và giờ học trên lớp, ở phòng thí nghiệm, ở thực địa v.v;

b) *thông tin về giảng viên*: họ tên, chức danh, địa điểm phòng làm việc, giờ làm việc, số điện thoại phòng làm việc (có thể cả số điện thoại nhà riêng), tên người làm trợ lý giảng dạy (teaching assistant - nếu có), địa điểm làm việc và số điện thoại ;

c) *giáo trình* (tên giáo trình, tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản, ở đâu có), *tài liệu bổ sung* (*tài liệu ấy bắt buộc hoặc khuyến khích đọc*) và *các tài liệu khác* như thiết bị thí nghiệm, các tác phẩm nghệ thuật, máy tính loại đặc biệt hoặc thậm chí computer v.v.;

d) *mục tiêu và nội dung tóm tắt môn học*;

e) *lịch học và chủ đề của các buổi học, ngày thi, ngày kiểm tra, thời hạn nộp các bài tập nghiên cứu, các buổi nghe diễn giả nói chuyện, đi thực địa.*

g) *Quy định hành chính đối với môn học (course policies)*, yêu cầu về chuyên cần (việc sinh viên có mặt trên lớp); quy định việc xử phạt đi học muộn; đánh giá thái độ học tập trên lớp; xử lý các trường hợp vắng mặt trong kỳ thi hoặc không nộp bài tập nghiên cứu; quy định liên quan đến vấn đề an toàn và sức khỏe khi làm việc trong phòng thí nghiệm; xử lý những hành vi quay cóp, sử dụng trái phép tài liệu nghiên cứu của người khác,

và h) cách đánh giá kết quả môn học.

2. *Phương pháp giảng dạy:* Giảng viên không truyền thụ toàn bộ các kiến thức đã được trình bày trong giáo trình, tài liệu tham khảo mà chỉ thực hiện các công việc sau để hướng dẫn sinh viên tích lũy kiến thức, kỹ năng và nâng cao hứng thú học tập, lòng yêu khoa học cũng như ngành đào tạo đã lựa chọn (do sinh viên đã có thời gian tự nghiên cứu ở nhà, trong thư viện, trong phòng thí nghiệm...)

a) giải thích những vấn đề mà giảng viên cho là sinh viên sẽ gặp khó khăn khi tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu;

b) nhấn mạnh những vấn đề mà sinh viên cần chú ý trong giáo trình và tài liệu tham khảo mà giảng viên đã yêu cầu sinh viên đọc;

c) hướng dẫn sinh viên thảo luận những vấn đề trong những tài liệu mà sinh viên đã đọc, hoặc những bài nghiên cứu mà giảng viên yêu cầu mỗi sinh viên thực hiện;

d) theo dõi các ý kiến thảo luận của sinh viên, giải thích những nội dung sinh viên hiểu chưa đúng;

e) giới thiệu các nhà khoa học và những vấn đề học thuật đang được tranh luận, những vấn đề cần được nghiên cứu liên quan đến ngành học;

g) thông qua giờ lên lớp & thảo luận, đánh giá thái độ và kết quả học tập trên lớp và tự học ở nhà của sinh viên cũng như kiến thức mà sinh viên thu nhận được, đồng thời công bố cho sinh viên biết ý kiến đánh giá của mình;

h) tổ chức kiểm tra ngắn, đột xuất với cả lớp hoặc với một số sinh viên bằng hình thức nói hoặc viết để thúc đẩy sinh viên thường xuyên học tập;

i) trả bài kiểm tra, bài tập nghiên cứu của sinh viên và có nhận xét về các bài làm đó;

k) hướng dẫn sinh viên những điều cần chú ý khi làm thí nghiệm, đi thực tập, thực tế; và

l) những nội dung cần thiết khác. Tùy theo từng buổi lên lớp mà giảng viên lựa chọn các công việc phù hợp trong các việc được nêu trên.

3. *Sinh viên:* Sinh viên học tập theo sự hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá của giảng viên như nghe giảng, thảo luận trên lớp; tự học, tự nghiên cứu, làm bài tập, viết báo cáo ở nhà, thư viện; làm việc trong phòng thí nghiệm, đi thực địa theo các yêu cầu mà giảng viên đã nêu trong đề cương môn học và tham khảo ý kiến giảng viên trong các dịp tiếp xúc trực tiếp hoặc trao đổi bằng điện thoại, e-mail.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong học chế tín chỉ

Kết quả học tập của sinh viên không chỉ được đánh giá bằng các bài kiểm tra và bài thi cuối môn học mà còn bằng cách đánh giá qua:

- a) các hoạt động trên lớp (số buổi có mặt, thái độ theo dõi bài giảng, thảo luận),
 - b) tự học ở nhà (qua nội dung phát biểu thảo luận trên lớp, thời gian và chất lượng hoàn thành bài tập ở nhà do giảng viên giao),
 - c) làm việc trong phòng thí nghiệm, đi thực tế,
- và d) bài thi kết thúc môn học.

Sinh viên cũng được thông báo về cách thức và trọng số đánh giá kết quả học tập như trên ngay từ khi bắt đầu học môn học trong bản đề cương môn học (syllabus) và được thể hiện trong các quy định pháp lý của nhà trường.

Việc đánh giá liên tục các hoạt động học tập làm giảm sức ép thi cử cuối học kỳ, giảm tình trạng nhồi nhét kiến thức để lo đối phó thi và như vậy cho phép sinh viên hiểu và yêu thích môn học, nâng cao khả năng tự học theo kiểu nghiên cứu.

Quản lý đào tạo trong học chế tín chỉ

1. Sách hướng dẫn (*Catalog, Bulletin, Calendar*) nội dung gồm:

- các phân giới thiệu lịch sử thành lập và phát triển của trường,
- sứ mệnh của trường,
- cơ cấu tổ chức của trường, các đơn vị trong trường...
- thông báo những yêu cầu mà người học phải thực hiện để được tốt nghiệp ngành đào tạo: tổng số tín chỉ phải tích lũy để được tốt nghiệp, tổng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy từng năm đối với người học toàn thời gian (full - time) và bán thời gian (part - time), số tín chỉ tối thiểu, tối đa được đăng ký học trong từng học kỳ; thời gian và địa điểm có thể gặp cố vấn để được hỏi ý kiến trong việc xây dựng kế hoạch học tập cho mình; cách thức đăng ký học môn học hoặc rút việc đăng ký học môn học, cách kiểm tra - đánh giá, cách xếp hạng kết quả môn học và cách tính điểm trung bình chung v.v.
- giới thiệu cụ thể từng môn học (mã số, số tín chỉ, nội dung tóm tắt, môn bắt buộc...) để sinh viên nghiên cứu và đăng ký học.

Những thông tin trên đây cũng được các trường đưa vào các trang web giới thiệu trường, tiện cho sinh viên nghiên cứu.

2. *Tổ chức lớp học*: Lớp học được tổ chức theo môn học do sinh viên đăng ký. Hằng năm nhà trường công bố các môn học sẽ được tổ chức giảng dạy trong năm đó (trong các cuốn Catalog, Bulletin, Calendar nói trên).

Sinh viên đăng ký học các môn học trong thời gian nhà trường đã công bố. Trường hợp số sinh viên đăng ký học một môn học quá đông so với điều kiện của phòng học thì nhà trường chỉ xếp những sinh viên nằm trong số lượng quy định đăng ký sớm hơn hoặc đạt một số yêu cầu do ngành học đặt ra được học và thông báo ngay cho số sinh viên còn lại đăng ký môn học khác hoặc chờ năm học sau. Nếu số sinh viên đăng ký học một môn học quá ít, nhà trường sẽ không tổ chức đào tạo và cũng sẽ thông báo cho sinh viên biết ngay để chọn môn học khác.

3. *Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên*:

- a) Giảng viên phải biên soạn và nộp bản đề cương môn học (syllabus) cho khoa/bộ môn;
- b) Hệ thống quản lý theo dõi, kiểm tra việc giảng viên thực hiện đề cương môn học nói trên;
- c) Trường/khoa tổ chức cho sinh viên nhận xét về công việc giảng dạy của giảng viên. Việc lên lương, bổ nhiệm có dựa vào kết quả giảng dạy, đánh giá của cơ quan quản lý và nhận xét của sinh viên.

4. *Quản lý học tập của sinh viên*

- a) Dựa vào catalog do nhà trường công bố, đề cương môn học do giảng viên cấp cho sinh viên;
- b) Sinh viên tham khảo ý kiến của giảng viên cố vấn để xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với mình và đăng ký với khoa/trường;
- c) Giảng viên đánh giá liên tục các hoạt động học tập của sinh viên, báo cáo cho phòng đào tạo và cho sinh viên biết;
- d) Căn cứ vào số tín chỉ mà sinh viên tích lũy được, nhà trường xếp sinh viên vào loại năm (thứ nhất, thứ hai ...) phù hợp.

5. *Đội ngũ cố vấn học tập (adviser)*: Cố vấn học tập là những người am hiểu cấu trúc chương trình, nội dung của các khối kiến thức có trong chương trình, nội dung và vị trí của từng môn học được nhà trường tổ chức giảng dạy.

Các cố vấn này hướng dẫn sinh viên lựa chọn các môn học để xây dựng kế hoạch học tập riêng, vừa phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, vừa phù hợp với điều kiện riêng của sinh viên (năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế).

Bản đăng ký các môn học của sinh viên phải có chữ ký của cố vấn học tập xác nhận là đã được tham khảo ý kiến mới được nhà trường xem xét để xếp lớp học.

6. *Cấp bằng tốt nghiệp*: Khi sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường, tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình theo sự hướng dẫn của cố vấn học tập, họ sẽ được cấp bằng tốt nghiệp. Sinh viên toàn thời gian và sinh viên bán thời gian tuy học chung nhưng được xét tốt nghiệp ở những thời điểm khác nhau, tùy theo thời gian họ hoàn thành toàn bộ chương trình học tập.

7. *Tin học hóa trong quản lý*: Quản lý đào tạo được tin học hoá tối đa bằng các phần mềm chuyên dụng thống nhất trong toàn đơn vị đào tạo. Để đảm bảo liên thông, liên kết phối hợp tổ chức đào tạo giữa các ngành, việc quản lý đào tạo thường được tổ chức tập trung ở phòng đào tạo của nhà trường với đội ngũ quản lý tinh thông nghiệp vụ và có tính chuyên nghiệp cao.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Về hệ thống tín chỉ học tập*, tài liệu sử dụng nội bộ. Hà Nội, 1994
2. Lê Thạc Cán, *Tổ chức giảng dạy và học tập theo chương trình định sẵn và theo học chế tín chỉ*, Bài viết cho Toạ đàm về đào tạo theo tín chỉ ở ĐHQGHN (4/2006)
3. Lâm Quang Thiệp, *Về việc áp dụng học chế tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam*, bài viết cho Toạ đàm về đào tạo theo tín chỉ ở ĐHQGHN (4/2006)
4. Mai Trọng Nhuận, *Định hướng triển khai tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở ĐHQGHN*, bài trình bày tại buổi toạ đàm về việc triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ tại ĐHQGHN, 2006
5. The University of Tokyo, *Catalogue for 2000-2001*
6. The National Taiwan University, *Bulletin 2004*
7. Trường đại học Đà Lạt, *Kỷ yếu hội thảo VUN*, Đà Nẵng, 2006